TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2026/DS-ST
Ngày: 16-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Kim Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1026/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Y – Hoach A, sinh năm: 1997; địa chỉ liên hệ: F N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 23688/2025/UQ-VPB ngày 01/09/2025). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bị đơn: bà Phạm Thị M Y, sinh năm: 1992; thường trú: Số B, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị M Y ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt Ngân hàng) số LN2303288762370 ngày 25/3/2023, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng, số tiền vay

92.400.000 đồng và giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/03/2023 để vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được giải ngân, bà Phạm Thị M Y nhận tiền và sử dụng vốn vay đúng mục đích. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 22/01/2026, bà Ý đã thanh toán được 63.189.235 đồng, trong đó: 30.473.666 đồng tiền gốc và 32.715.569 đồng tiền lãi. Từ ngày 15/02/2024, bà Phạm Thị M Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết, không tiếp tục thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của bà Ý sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 16/3/2026, bà Phạm Thị M Y còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền 499.757.057 đồng, trong đó: nợ gốc 205.698.759 đồng và nợ lãi 294.058.298 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị M Y thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- *Đối với bị đơn bà Phạm Thị M Y*: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/01/2026 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 13/02/2026, ngày 26/02/2026, ngày 16/3/2026 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/3/2023; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/03/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với bà Phạm Thị M Y thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/3/2023; giấy đăng ký kiêm hợp

đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/03/2023 được giải ngân tổng số tiền 242.400.000 đồng. Sau khi được giải ngân, bà Ý đã nhận tiền và sử dụng vốn vay theo thỏa thuận. Tính đến ngày 22/01/2026, bà Ý đã thanh toán được 63.189.235 đồng, trong đó: 30.473.666 đồng tiền gốc và 32.715.569 đồng tiền lãi. Từ ngày 15/02/2024, bà Ý không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Như vậy, bà Phạm Thị M Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Ý thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 16/3/2026 là 499.757.057 đồng, trong đó: nợ gốc 205.698.759 đồng và nợ lãi 294.058.298 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Kể từ ngày 17/3/2026, bà Phạm Thị M Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/3/2023; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/03/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị M Y phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Phạm Thị M Y về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Phạm Thị M Y có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 499.757.057 (bốn trăm chín mươi chín triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn không trăm năm mươi bảy) đồng, trong đó: nợ gốc 205.698.759 (hai trăm linh năm triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi chín) đồng và nợ lãi 294.058.298 (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm năm mươi tám nghìn hai trăm chín mươi tám) đồng, tính đến ngày 16/3/2026.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 17/3/2026 cho đến khi bà Phạm Thị M Y thanh toán xong các khoản nợ theo yêu cầu của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/3/2023; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/03/2023.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị M Y phải chịu 23.990.000 (hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V 10.358.890 (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0044656 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền